

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HC-PT  
Ngày 05 - 3 - 2019  
V/v Khiếu kiện hành vi hành chính  
về bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Thủy;

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Trung Tuấn;  
Bà Mai Thị Tú Oanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 462/2018/TLPT-HC ngày 07 tháng 9 năm 2018 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính về bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2018/HC-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Lê Văn Th, sinh năm 1934. (có mặt)

Địa chỉ: thôn 1, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Bùi Văn T – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Đ – Chủ tịch. (có mặt)

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc D – Chủ tịch. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn Th - người khởi kiện.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện ông Lê Văn Th trình bày:*

Ngày 05/5/2017, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T đã có công văn số 1019/UBND-BTCD về việc trả lời đơn khiếu nại của ông. Không đồng ý với công văn này, ông khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận yêu cầu giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc UBND huyện T chấm dứt các hành vi vi phạm pháp luật trong việc thu hồi diện tích đất 1.275m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của ông. Buộc UBND huyện T phải thực hiện các hành vi thu hồi đất của ông theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định và kiểm kê đúng với vị trí hiện trạng thửa đất của ông đã quản lý sử dụng.

Buộc UBND huyện T phải thực hiện hành vi bồi thường đối với diện tích đất 1.275m<sup>2</sup> đã thu hồi của ông theo giá thị trường hiện nay.

Buộc UBND huyện T phải giao trả và hoàn thiện thủ tục việc cấp quyền sử dụng đối với diện tích đất 925m<sup>2</sup> còn lại của ông sau khi bị thu hồi đúng với vị trí hiện trạng thửa đất của ông đã quản lý sử dụng, để ông tiếp tục quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ mà ông Th khởi kiện như sau:

Thứ nhất: UBND huyện T có vi phạm trong việc thu hồi diện tích đất 2.200m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của ông. Cụ thể:

+ UBND huyện T thu hồi đất không đúng mục đích. Năm 1997, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 380/QĐ-UB-TP ngày 20/9/1997 về việc thu hồi diện tích đất 1600m<sup>2</sup> của ông để làm sân vận động. Thực tế sân vận động đã xây dựng xong vào năm 1999 cho đến nay diện tích đất của ông quản lý không làm sân vận động, còn nằm cách xa tường thành sân vận động 55m. Việc thu hồi đất không đúng mục đích như vậy là vi phạm pháp luật đất đai.

+ UBND huyện T thực hiện thu hồi đất trái pháp luật, không tuân theo đúng phê duyệt của UBND tỉnh Bình Thuận tại công văn số 1360/UB-BT ngày 20/12/1997. UBND tỉnh Bình Thuận chỉ phê duyệt diện tích đất 21.600m<sup>2</sup> để xây dựng sân vận động nhưng UBND huyện T đã thu hồi đến 32.021m<sup>2</sup> vượt phê duyệt đến 10.421m<sup>2</sup>, trong đó đó có diện tích 1.600m<sup>2</sup> của ông.

+ UBND huyện T thực hiện hành vi thu hồi đất không tuân theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Ngày 03/8/2009, UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 2118/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông, thu hồi hủy bỏ các quyết định sai trái thu hồi đất trái pháp luật của UBND huyện T hủy bỏ quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/3/2008 của UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu về lĩnh vực quản lý đất đai. Hủy bỏ quyết định 403/QĐ/UBTP ngày 11/10/1997 của UBND huyện T về việc thu hồi

diện tích 1.600m<sup>2</sup> đất của ông. Và yêu cầu UBND huyện T giải quyết lại việc thu hồi, đền bù diện tích đất thu hồi đúng với thực tế và theo giá đền bù hiện hành theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

Kể từ ngày UBND tỉnh Bình Thuận khi ban hành quyết định số 2118/QĐUBND ngày 03/8/2009 cho đến nay, UBND huyện T thể hiện rõ hành vi vi phạm pháp luật, thực hiện việc thu hồi đất không đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

Chưa làm việc với ông là người quản lý sử dụng, không thực hiện việc kiểm kê đo đạc hiện trạng thực tế thửa đất trước khi thu hồi nhưng đã tự ý ra Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 23/11/2009 đã bị hủy bỏ, nay tiếp tục ra Thông báo số 194/TB-UBND ngày 06/5/2016 thu hồi diện tích 1.275m<sup>2</sup> đất của ông để hợp thức hóa diện tích 1.600m<sup>2</sup> đã chiếm đoạt của ông trước đây để làm sân vận động nhưng thực tế không làm.

+ Cố ý làm sai lệch hồ sơ vị trí đất của ông: Không kiểm kê hiện trạng diện tích đất trước khi thu hồi. Tự tạo dựng hồ sơ vị trí đất thu hồi của ông không đúng vị trí diện tích đất của ông quản lý, không có xác nhận của ông là người sử dụng đất, không được sự đồng ý chấp nhận của ông. Mặc dù mấy chục năm nay ông đã trình bày, đã khiếu nại và cung cấp rất nhiều tài liệu hồ sơ khẳng định vị trí trong hồ sơ thu hồi đất do UBND huyện T lập không đúng vị trí thực tế thửa đất mà ông quản lý, nhưng UBND huyện T vẫn cố tình áp đặt và bất chấp sự thật làm sai lệch hồ sơ vị trí đất của ông.

+ UBND huyện T đã cố ý dịch chuyển diện tích đất thu hồi của ông đến vị trí không đúng vị trí đất mà ông quản lý sử dụng như trong biên bản đã kiểm kê vào năm 1997 ghi rõ (có đồng tây tứ cận, có giếng nước, có cây táo trên đất....). Không đúng như trong quyết định thu hồi đất số 380/QĐ-UB-TP ngày 10/9/1991. Không đúng như biên bản kiểm tra xác minh hiện trạng vị trí đất do Thanh tra tỉnh Bình Thuận xác lập ngày 10/9/2008.

+ UBND huyện T đã nhiều lần ép buộc ông phải kiểm kê đất không đúng vị trí mà ông quản lý sử dụng, nhằm để hợp pháp hóa lấp liếm cho chuỗi hành vi sai trái thu hồi đất trái pháp luật từ năm 1997 cho đến nay nhưng ông kiên quyết phản đối.

+ UBND huyện T đã chống đối không thực hiện đúng nội dung Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của UBND tỉnh Bình Thuận. Trong quyết định nêu rõ giải quyết dứt điểm tình hình lấn chiếm đất tại khu vực mà ông đã khiếu nại (trong đó có 04 hộ dân lấn chiếm đất của ông)

Ông khiếu nại 04 hộ dân (Đặng T, Đỗ Tr, Lê Văn B, Lê Văn D) lấn chiếm diện tích 600m<sup>2</sup> đất của ông từ năm 1993, đã có văn bản thông báo số 20/TB/UB.PRC ngày 21/5/1994 của UBND thị trấn P buộc 4 hộ lấn chiếm phải tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất trái phép, nhưng họ lại bảo vệ cho đến nay không thực hiện việc tháo dỡ.

Thứ hai: UBND huyện T thực hiện việc đền bù với diện tích đất 1.275m<sup>2</sup> thu hồi của ông không đúng vị trí, hiện trạng thửa đất ông quản lý và không phù hợp với giá thực tế của thị trường hiện nay. Không đúng với nội dung Quyết định 2118/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của UBND tỉnh Bình Thuận.

Tại Quyết định 2118/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của UBND tỉnh Bình Thuận yêu cầu UBND huyện T giải quyết lại việc thu hồi, đền bù diện tích đất thu hồi đúng với thực tế và theo giá đền bù hiện hành, theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật, nhưng UBND huyện T cố ý làm trái ngược và kéo dài việc giải quyết từ khi ban hành quyết định vào năm 2009 cho đến nay.

*Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

UBND huyện T thực hiện theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Thuận tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 2118/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của UBND tỉnh Bình Thuận, quá trình thực hiện, UBND có đề nghị ông Th lập thủ tục kê khai diện tích đất 1.275m<sup>2</sup> để tiến hành bồi thường và diện tích đất 925m<sup>2</sup> để cấp giấy chứng nhận cho ông Th nhưng ông không chấp nhận.

Các Quyết định thu hồi của UBND huyện T trước đây đã bị hủy bỏ, để thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Thuận, UBND huyện T có ra thông báo thu hồi đất, tổng đạt thông báo cho ông Th nhưng ông Th không đồng ý vì cho rằng diện tích đất của ông không đúng vị trí. Hiện diện tích đất của ông Th đã xây dựng công trình công ích, vị trí, tứ cận trong giấy mua bán đất của ông Th không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên không có cơ sở để xác định vị trí đất theo yêu cầu của ông Th.

UBND huyện T đồng ý bồi thường cho ông Th diện tích đất 1.275m<sup>2</sup> và cấp cho ông 925m<sup>2</sup> đất nhưng ông Th cũng không đồng ý, cho nên hiện nay UBND huyện không có cơ sở giải quyết. Nếu ông Th đồng ý, UBND huyện sẽ ban hành Quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất 2200m<sup>2</sup> của ông và bồi thường cho ông Th theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của UBND thị trấn P:*

Nhất trí với quan điểm giải quyết của UBND huyện T. Tuy nhiên những việc trước đây làm có sự sai sót thì chúng tôi đã có sửa sai và rút kinh nghiệm. Hiện nay UBND thị trấn chấp hành theo Quyết định 2118/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của UBND tỉnh Bình Thuận là UBND huyện T giải quyết lại việc thu hồi, đền bù diện tích đất thu hồi đúng với thực tế và theo giá đền bù hiện hành, theo đúng trình tự thủ tục quy định.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2018/HC-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định như sau:*

*Áp dụng:*

- Điều 50, Điều 42 Luật Đất đai năm 2003;
- Điều 100, Điều 77 Luật Đất đai 2013;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Th về việc:

Buộc UBND huyện T chấm dứt các hành vi vi phạm pháp luật trong việc thu hồi diện tích đất 1.275m<sup>2</sup> và phải thực hiện các trình tự thủ tục thu hồi đất của ông theo đúng vị trí hiện trạng thửa đất ông đã quản lý sử dụng.

Buộc UBND huyện T phải thực hiện hành vi bồi thường đối với diện tích đất 1.275m<sup>2</sup> đã thu hồi của ông theo giá thị trường hiện nay.

Buộc UBND huyện T cấp quyền sử dụng đối với diện tích đất 925m<sup>2</sup> đúng với vị trí hiện trạng thửa đất mà ông Th đang quản lý sử dụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/7/2018, người khởi kiện ông Lê Văn Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th chỉ tham gia phần hỏi, không tham gia phần tranh luận.

Ông Lê Văn Th trình bày ý kiến tranh luận cho rằng UBND huyện T tiến hành kiểm kê để bồi thường không đúng vị trí đất của ông, ông khiếu nại nhiều lần nhưng không được giải quyết.

Người bị kiện trình bày: Ông Th không hợp tác trong việc kiểm kê hiện trạng đất để tiến hành thu hồi nên người bị kiện không thể thực hiện được việc ra quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: UBND huyện T đã ra thông báo yêu cầu ông Th phối hợp để kê khai phần diện tích đất thực tế ông Th sử dụng nhưng ông không phối hợp nên UBND huyện T không thể tiến hành việc ra quyết định thu hồi. Yêu cầu khởi kiện của ông Th là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn Th làm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Diện tích đất mà ông Lê Văn Th bị thu hồi có nguồn gốc được chính quyền chế độ cũ cấp chứng thư quyền sở hữu ngày 28/3/1972. Tuy nhiên, tại chứng thư quyền sở hữu không thể hiện vị trí đất, không có bản vẽ hợp pháp kèm theo, chỉ thể hiện diện tích tại tờ chứng khoán 00,22.00ha (2.200m<sup>2</sup>). Quá trình quản lý, sử dụng, ông Lê Văn Th có đăng ký kê khai và có nộp thuế cho Nhà nước thể hiện ở việc khi ông Th đến Đội thuế xuất trình chứng thư người cày có ruộng và xin được nộp thuế thì cán bộ thuế đã viết biên lai và lập bộ thuế.

Do đó, ông Th đủ điều kiện được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 28 Luật đất đai 1993, Điều 42 Luật đất đai 2003 và Điều 77 Luật đất đai 2013.

Đối với những yêu cầu buộc UBND huyện T chấm dứt các hành vi vi phạm pháp luật trong việc thu hồi diện tích đất 1.275m<sup>2</sup>, thực hiện các hành vi thu hồi đất theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định và kiểm kê đúng với vị trí hiện trạng thửa đất mà ông Th đã quản lý sử dụng và bồi thường đối với diện tích đất 1.275m<sup>2</sup> đã thu hồi của ông Th theo giá thị trường hiện nay; trả diện tích lấn chiếm của các hộ dân cho ông:

Giấy chứng thư quyền sở hữu của ông Th không có bản vẽ thể hiện vị trí, tứ cận khu đất, ông Th cung cấp bản vẽ tay không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Nếu căn cứ vào bản vẽ tay của ông Th để xác định vị trí và ranh giới của khu đất 2.200m<sup>2</sup> (cách tường sân vận động 55m, có cả đất của 04 hộ dân cho rằng lấn chiếm) thì tổng diện tích khu đất là 3.612m<sup>2</sup>, tăng 1.412m<sup>2</sup> so với 2.200m<sup>2</sup> thể hiện tại chứng thư quyền sở hữu. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thực tế khu đất 2.200m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Th nằm ngoài diện tích nhà, đất của 04 hộ ông cho rằng lấn chiếm đất, vị trí nơi gần nhất cách 25m là phù hợp.

Vị trí khu đất 2.200m<sup>2</sup> của ông Lê Văn Th được xác định bằng bản vẽ ngày 18/3/2009 của Phòng Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở tính toán tỷ lệ giữa bản đồ thu hồi 11 hộ dân vào năm 1997 trong đó có đất của ông Th với bản đồ giải thửa do Trung tâm đo đạc thiết lập năm 2003 thể hiện: Diện tích 2.200m<sup>2</sup> (năm 1997 đã thu hồi 1600m<sup>2</sup>) hiện trạng sử dụng có 115m<sup>2</sup> nằm trong Sân vận động thị trấn P; 865m<sup>2</sup> nằm trong đường giao thông (đường quy hoạch số 02 rộng 20m); 304m<sup>2</sup> nằm trong khu đất Phòng Khám đa khoa mở rộng; còn lại 925m<sup>2</sup> là đất trống. Diện tích đất của ông Th nằm trong quy hoạch chỉ có 1.275m<sup>2</sup>, 925m<sup>2</sup> đất không nằm trong quy hoạch.

Diện tích 1.275m<sup>2</sup> ông Th bị thu hồi được xác định là đủ điều kiện được bồi thường khi Nhà nước thu hồi, điều này cũng đã được UBND huyện T thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với diện tích 925m<sup>2</sup> còn lại cũng đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện T cam đoan lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 925m<sup>2</sup> cho ông Th khi có yêu cầu.

Trên cơ sở đó, quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th không bị xâm phạm với hành vi hành chính của UBND huyện T. Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Th.

[3] Ông Lê Văn Th thuộc trường hợp người cao tuổi theo Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Th. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2018/HC-ST ngày 09/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng Điều 50, Điều 42 Luật đất đai năm 2003; Điều 100, Điều 77 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Th về việc: Buộc UBND huyện T chấm dứt các hành vi vi phạm pháp luật trong việc thu hồi diện tích đất 1.275m<sup>2</sup> và phải thực hiện các trình tự thủ tục thu hồi đất của ông theo đúng vị trí hiện trạng thửa đất ông đã quản lý sử dụng; Buộc UBND huyện T phải thực hiện hành vi bồi thường đối với diện tích đất 1.275m<sup>2</sup> đã thu hồi của ông theo giá thị trường hiện nay; Buộc UBND huyện T cấp quyền sử dụng đối với diện tích đất 925m<sup>2</sup> đúng với vị trí hiện trạng thửa đất mà ông Th đang quản lý sử dụng.

2. Về án phí: Hoàn lại cho ông Lê Văn Th 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số 0020930 ngày 23/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận và 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 0022878 ngày 27/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (1);
- Lưu VP(3), HS(2), 13b.MSL38.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Thủy**

